

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 01 - 2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Tôn Nám.

2. Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2017, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thanh N, sinh năm 1970 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Nơi ở hiện nay: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Nơi ở hiện nay: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa, ông Võ Thanh N trình bày: Vào năm 2004 ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm và không hòa hợp trong cuộc sống nên giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện tại ông và bà Nguyễn Thị H không còn chung sống với nhau. Vì không thể tiếp tục cuộc sống chung, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Về con chung và nợ

chung không có. Tài sản chung ông và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 12 năm 2017, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Về thời gian chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn phát sinh đúng như ông Võ Thanh N đã khai. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Võ Thanh N. Về con chung và nợ chung không có. Tài sản chung do bà và ông Võ Thanh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc ông Võ Thanh N xin ly hôn bà Nguyễn Thị H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, ông Võ Thanh N và bà Nguyễn Thị H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Võ Thanh N và bà Nguyễn Thị H vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông Võ Thanh N và bà Nguyễn Thị H không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Võ Thanh N và bà Nguyễn Thị H không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung và nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Võ Thanh N chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận ông Võ Thanh N và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Võ Thanh N chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006843, ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ông Võ Thanh N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Võ Thanh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương